

.../2025/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 20/10/2025
2. Thời gian thử nghiệm: 20/10/2025 – 21/10/2025
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: ; Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác .
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Sông Tiêm
7. Địa chỉ: Xã Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	21.6	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6.87	-
3	TSS		µm/s	51.38	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.54	-
5	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ B: 2017	mg/l	-	-
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017	mg/l	0.003	-
7	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E: 2017	mg/l	0	-
8	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.053	-
9	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.03	-
10	Độ cứng (CaCO ₃)	SMEWW 2340B: 2017	mg/l	19.2	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

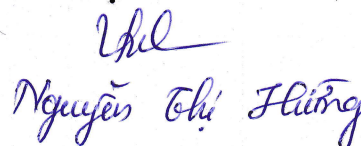
Hà Tĩnh, ngày 21 tháng 10 năm 2025

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hương Khê*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - *Mẫu 1: Nguyễn Thị Tùng, 173 Phan Đình Phùng, xã Hương Khê*
 - *Mẫu 2: Trần Quang Danh, 163 Trần Phú, xã Hương Khê*
 - *Mẫu 3: Trần Thị Sen, thôn 2, xã Hương Khê*
6. Ngày nhận mẫu: *20/10/2025*
7. Ngày thử nghiệm: *20-21/10/2025*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.53	0.54	0.94	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.86	6.84	6.82	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	48.42	49.48	49.42	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.2	0.21	0.20	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.02	0.02	0.03	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	-	-	-	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.005	0.003	0.004	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	0	0	0	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E: 2017
10	Mangan tổng số (Mn)	0.007	0.006	0.006	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

11	Độ cứng	19.2	18.2	18.7	mg/l	300	SMEWW 2340B:2017
----	---------	------	------	------	------	-----	------------------

Ghi chú: : * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
QCVN 01-1:2024/BYT.

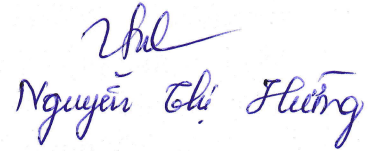
Hà Tĩnh, ngày 21 tháng 10 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Thị Hương

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hương Khê*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý*
6. Ngày nhận mẫu: *20/10/2025*
7. Ngày thử nghiệm: *20 – 21/10/2025*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.51	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.96	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	46.24	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.27	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.02	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	-	mg/l	11	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.004	mg/l	0.9	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	0	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E: 2017
10	Mangan tổng số (Mn)	0.007	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998
11	Độ cứng (CaCO ₃)	17.2	mg/l	300	SMEWW 2340B: 2017

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2024/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 21 tháng 10 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN

